

Bản án số: 71/2022/DS-ST

Ngày: 15-7-2022

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/DSST ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2022/QĐXXST-DS ngày 20/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 325/2022/QĐST-DS ngày 17/6/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2022/QĐXXST-DS ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.A

Địa chỉ: Số 130 PDL, Phường B, Quận PN – TP. Hồ Chí Minh.

Người đại hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Mai S, sinh năm 1978.
(Văn bản ủy quyền số 25-22/QĐ-DAB-PNN ngày 21/4/2022)

Địa chỉ: Số 139 NVT, Phường M, Quận PN – TP. Hồ Chí Minh.

(Bà S có đơn đề nghị vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Hữu Th, sinh năm 1981 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 144/68A NK, Phường H, Quận T - TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lương Thị Mai S trình bày:

Ngày 24/01/2011, ông Ngô Hữu Th ký Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.A (sau đây gọi là Ngân hàng). Ngày 03/3/2011, Ngân hàng đã đồng ý cấp hạn mức thấu chi cho ông Ngô Hữu Th là 3.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,50%/ tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân; biện pháp bảo đảm là tín chấp theo lương. Trong quá trình sử dụng, ông Ngô Hữu Th đã trả được cho Ngân hàng 1.305 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 01/03/2012, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Từ lúc phát sinh nợ quá hạn đến nay, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ, nhưng bị đơn vẫn không thanh toán các khoản nợ cho nguyên đơn. Nay, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ theo từng thời kỳ theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bị đơn – ông Ngô Hữu Th để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Ngô Hữu Th đều vắng mặt không rõ lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà Lương Thị Mai S đã có đơn xin vắng mặt và gửi bản ý kiến trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là: 12.052.050 đồng (Mười hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi đồng) gồm nợ gốc còn thiếu là 2.998.695 đồng; lãi quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 9.053.355 đồng và tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi ông Ngô Hữu Th trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

- Bị đơn đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Bị đơn ông Ngô Hữu Th có địa chỉ cư trú tại 144/68A NK, Phường H, Quận T nên Ngân hàng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận T là đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử về thành phần và tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Ngô Hữu Th trả tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là vụ án dân sự “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Á; Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 24/01/2011 có ghi địa chỉ cư trú của bị đơn tại: 144/68A NK, Phường H, Quận T - TP. Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an Phường H, Quận T thì ông Ngô Hữu Th, sinh năm 1981, có hộ khẩu thường trú tại cư trú tại 144/68A NK, Phường H, Quận T - TP. Hồ Chí Minh, nhà bán từ năm 2014, hiện tạm trú tại A28/181 tổ 18 Ấp 1, xã BH, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh; kết quả trả lời xác minh của Công an xã BH, huyện BC phúc đáp như sau: tại địa chỉ A28/181 tổ 18, Ấp 1, xã BH, huyện BC không có ai tên Ngô Hữu Th sinh năm 1981. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, bị đơn ông Ngô Hữu Th thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ cư trú mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật cư trú nên địa chỉ 144/68A NK, Phường H, Quận T - TP. Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Xét thấy, trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”; Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về sự có mặt của đương sự*: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do (lần thứ nhất vào ngày 17/6/2022, lần thứ hai ngày 15/7/2022), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung*:

[4.1] *Xét yêu cầu của Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là 2.998.695 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ thấu chi (Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ) ngày 24/01/2011. Theo đó, nguyên đơn đã đồng ý cho bị đơn vay số tiền 3.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 03/3/2011. Theo bảng kê chi tiết nợ chưa thanh toán của khách hàng Ngô Hữu Th thì tính đến ngày 01/03/2012, bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 2.998.695 đồng cho Ngân hàng. Theo mục 4.2.2, Điều 4 của Hợp đồng nêu trên quy định “*chủ thẻ chịu trách nhiệm theo dõi khoản nợ và thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ thấu chi, tiền lãi, tiền phạt và phí phát sinh theo quy định của DAB....*”. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4.2 của Hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 2.998.695 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] *Xét yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi quá hạn:*

Theo quy định Điều 2 và Phần dành cho Ngân hàng của Hợp đồng tín dụng đã ký kết thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất thấu chi trong hạn là 1,50%/tháng. Lãi suất thấu chi quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*”.

Căn cứ vào lời khai, bảng kê tính lãi thấu chi của nguyên đơn thì mức lãi suất, thời gian tính lãi phát sinh là đúng thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng và không trái quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 9.053.355 đồng và tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] *Về thời hạn thanh toán:* Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn không trả nợ đúng hạn cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong Hợp đồng, thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Nên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu thi hành ngày 01/01/2011;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.A.

Buộc ông Ngô Hữu Th phải có nghĩa vụ trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.A số tiền còn nợ theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ là 12.052.050 đồng (mười hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi đồng), bao gồm: nợ gốc: 2.998.695 đồng (hai triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng), lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: 9.053.355 đồng (chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022 đến khi thi hành án xong, ông Ngô Hữu Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết .

2. Về án phí:

- Ông Ngô Hữu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 602.603 đồng (Sáu trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm lẻ ba đồng).

- Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP Đ.A theo biên lai thu số AA/2019/0035893 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân QT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án dân sự QT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

Trần Thị Xuân Quỳnh